

Số: 1689 /PVCFC-TCKT
V/v Báo cáo tài chính bán niên 2015
đã được soát xét.

Cà Mau, ngày 24 tháng 8 năm 2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.

Tên công ty: **Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau**

Mã chứng khoán: **DCM**

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D, KCN Phường 1, đường Ngô Quyền, Phường 1, Tp. Cà Mau.

Điện thoại đi động: (0780) 3819 000

Fax: (0780) 3590 501

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Mỹ

Địa chỉ: Lô D, KCN Phường 1, đường Ngô Quyền, Phường 1, Tp. Cà Mau.

Loại thông tin công bố:

Định kỳ

Bất thường (24h)

Bất thường (72h)

Yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau xin trân trọng thông báo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 15/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau www.pvcfc.com.vn, mục Quan hệ cổ đông vào ngày 24 / 08 / 2015.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT-PVCFC (để b/c);
- BKS -PVCFC(để b/c);
- TGD-PVCFC (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT, IR.

Đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét.

**NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT
ỦY VIÊN HĐQT**



Trần Mỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015 (ngày chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Đức Thành	Chủ tịch
Ông Bùi Minh Tiến	Ủy viên
Bà Trần Thị Bình	Ủy viên
Ông Trần Chí Nguyên	Ủy viên
Ông Trần Mỹ	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Minh Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trọng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Văn Tiến Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp

nhất.
Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Minh Tiến
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2015

Số: 0102 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 8 năm 2015, từ trang 4 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015 (ngày Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 02, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 15 tháng 01 năm 2015. Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 chưa bao gồm các điều chỉnh có thể phát sinh liên quan đến việc xác định phần vốn Nhà nước do Công ty chưa có biên bản xác định phần vốn Nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 33, theo Nghị quyết số 8373/NQ-DKVN ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“Tập đoàn”) về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty, mức giá khí tạm tính cho năm 2015 là 3,81 USD/MMBTU. Mức giá khí chính thức sẽ được Tập đoàn xem xét điều chỉnh vào cuối năm 2015 để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh phân bón của Công ty.
- Trong kỳ, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định thay đổi thời gian khấu hao của các tài sản cố định là máy móc thiết bị chính của Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau từ 10 năm lên 12 năm kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2015. Ảnh hưởng của việc thay đổi thời gian khấu hao đã được Công ty trình bày tại Thuyết minh số 04 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 14 tháng 01 năm 2015 đã được trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202, một số số liệu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 8 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0891-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MÃ SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	14/01/2015
				(Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.716.141.454.249	5.522.339.640.215
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.003.768.907.605	2.063.705.227.684
1. Tiền	111		583.768.907.605	2.007.636.718.606
2. Các khoản tương đương tiền	112		420.000.000.000	56.068.509.078
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	3.316.971.229.905	3.166.281.483.374
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.316.971.229.905	3.166.281.483.374
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		168.212.396.496	62.918.860.283
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3.408.395.809	1.087.367.235
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	82.437.039.888	14.275.249.557
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	82.366.960.799	47.556.243.491
IV. Hàng tồn kho	140	10	172.890.648.754	199.174.510.906
1. Hàng tồn kho	141		173.174.938.297	199.174.510.906
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(284.289.543)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		54.298.271.489	30.259.557.968
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	38.587.932.656	14.317.038.563
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.312.992.228	15.762.139.410
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	397.346.605	180.379.995
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.530.092.400.809	11.117.988.685.871
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		10.397.999.964.727	10.907.368.582.559
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	10.338.997.084.834	10.861.313.002.487
- Nguyên giá	222		13.606.306.776.410	13.545.039.880.463
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.267.309.691.576)	(2.683.726.877.976)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	59.002.879.893	46.055.580.072
- Nguyên giá	228		64.213.284.778	47.157.423.178
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.210.404.885)	(1.101.843.106)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.532.496.778	46.827.865.034
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	12.532.496.778	46.827.865.034
IV. Tài sản dài hạn khác	260		119.556.939.304	163.789.238.278
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	119.556.939.304	163.789.238.278
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		15.246.233.855.058	16.640.328.326.086

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	14/01/2015
			(Phân loại lại)	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.246.242.991.224	11.033.166.958.901
I. Nợ ngắn hạn	310		2.950.053.145.139	4.270.481.897.969
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	436.960.271.487	287.568.999.346
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	116.644.989.183	102.928.923.892
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	3.371.998.622	35.883.935.350
4. Phải trả người lao động	314		53.877.158.942	85.585.097.501
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	358.897.964.949	320.291.049.130
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	39.946.151.313	53.261.535.084
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	556.999.790.249	2.132.062.449.438
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	1.279.602.067.281	1.250.085.019.739
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	46.986.614.708	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		56.766.138.405	2.814.888.489
II. Nợ dài hạn	330		6.296.189.846.085	6.762.685.060.932
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	33.175.238.300	33.175.238.300
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	6.224.763.518.129	6.690.570.382.979
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		38.251.089.656	38.939.439.653
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.999.990.863.834	5.607.161.367.185
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	5.999.990.863.834	5.607.161.367.185
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		5.294.000.000.000	5.294.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.294.000.000.000	5.294.000.000.000
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(3.455.497.769)	(3.455.497.769)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		341.610.658.138	287.032.617.231
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		345.778.392.089	6.713.350.648
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.645.600.058	1.487.801.105
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		344.132.792.031	5.225.549.543
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		22.057.311.376	22.870.897.075
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		15.246.233.855.058	16.640.328.326.086

Trương Quỳnh Anh
 Người lập biểu

Vũ Thụy Tường
 Kế toán trưởng

Bùi Minh Tiến
 Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN/HN

Đơn vị: VND

Từ ngày 01/01/2014

đến ngày 30/6/2014

(Phân loại lại)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 15/01/2015	Từ ngày 01/01/2014
			đến ngày 30/6/2015	đến ngày 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.895.348.750.114	3.101.272.938.246
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	61.564.939.586	33.190.584.634
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.833.783.810.528	3.068.082.353.612
4. Giá vốn hàng bán	11	26	1.932.241.837.240	2.303.985.296.525
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		901.541.973.288	764.097.057.087
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	91.560.707.800	73.420.980.944
7. Chi phí tài chính	22	29	293.532.427.965	291.131.808.113
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		114.244.196.160	185.550.501.207
8. Chi phí bán hàng	25	30	154.642.058.396	87.222.170.752
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	92.022.928.159	47.009.891.219
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		452.905.266.568	412.154.167.947
11. Thu nhập khác	31		562.897.496	444.906.414
12. Chi phí khác	32		972.913.470	22.898.268
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(410.015.974)	422.008.146
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		452.495.250.594	412.576.176.093
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	808.695.480	1.009.475.380
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		451.686.555.114	411.566.700.713
16.1. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	61		448.389.008.981	409.707.185.723
16.2. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		3.297.546.133	1.859.514.990
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			745	-

Trương Quỳnh Anh
 Người lập biểu

Vũ Thụy Tường
 Kế toán trưởng

Bùi Minh Tiến
 Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-DN/HN

Đơn vị: VND

Từ ngày 01/01/2014

đến ngày 30/6/2014

(Phân loại lại)


CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 15/01/2015	Từ ngày 01/01/2014
		đến ngày 30/6/2015	đến ngày 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	452.495.250.594	412.576.176.093
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	587.432.027.382	699.733.050.849
Các khoản dự phòng	03	47.270.904.251	26.830.242.081
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	147.952.689.580	89.295.032.496
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(76.799.116.383)	(70.615.474.135)
Chi phí lãi vay	06	114.244.196.160	185.550.501.207
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	8.060.000.000
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	1.272.595.951.584	1.351.429.528.591
(Tăng) các khoản phải thu	09	(44.604.094.678)	(52.702.879.577)
Giảm hàng tồn kho	10	25.999.572.609	218.418.128.190
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	197.558.989.421	(118.524.404.508)
Giảm chi phí trả trước	12	19.961.404.881	96.354.818.362
Tiền lãi vay đã trả	14	(124.740.804.668)	(188.639.447.964)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(33.088.472.607)	(378.581.839)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	172.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.255.140.773)	(25.896.719.464)
Chuyển tiền bán cổ phần về Tập đoàn		(1.581.808.975.597)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(288.209.569.828)	1.280.060.441.791
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(89.828.899.403)	(10.667.110.586)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.505.000.000.000)	(803.907.650.189)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.360.310.864.175	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	60.349.175.636	70.423.038.652
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(174.168.859.592)	(744.151.722.123)

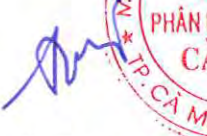
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 15/01/2015	Từ ngày 01/01/2014
		đến ngày 30/6/2015	đến ngày 30/6/2014 (Phân loại lại)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	921.959.846.545
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	300.000.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(597.572.093.379)	(1.807.387.217.498)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(162.264.589.035)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(597.572.093.379)</i>	<i>(747.691.959.988)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>(1.059.950.522.799)</i>	<i>(211.783.240.320)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.063.705.227.684	2.352.893.975.545
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	14.202.720	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	1.003.768.907.605	2.141.110.735.225


Trương Quỳnh Anh
Người lập biểu


Vũ Thụy Tường
Kế toán trưởng


Bùi Minh Tiến
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau - là công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001012298 cấp lần đầu ngày 24 tháng 3 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2001012298 ngày 15 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, với vốn điều lệ là 5.294.000.000.000 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 978 (tại ngày 14 tháng 01 năm 2015: 990).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất phân bón, hợp chất ni tơ và hóa chất cơ bản.
- Bán buôn phân bón, hóa chất sử dụng trong công - nông nghiệp.
- Bán lẻ phân bón, hóa chất sử dụng trong công - nông nghiệp.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất.
- Kho bãi, lưu giữ và bốc xếp hàng hóa.
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, kiểm tra và phân tích kỹ thuật.
- Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh phân bón.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam.

Thông tin khái quát về công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	Bạc Liêu	51,03%	51,03%	Sản xuất bao bì

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 14 tháng 01 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Công ty chính thức chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên sang công ty cổ phần kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2015, do vậy kỳ kế toán trong năm hiện tại của Công ty là từ ngày 15 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. Các năm tài chính tiếp theo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 15 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và dự phòng phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 15/01/2015 đến ngày 30/6/2015 (Số năm)	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20	5 - 20
Máy móc và thiết bị (*)	5 - 12	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6	3 - 6
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	5 - 6	5 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 6	3 - 6

(*) Theo Công văn số 617/BCT-TCNL ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công thương về Phương án điều tiết giá khí cho Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau, chủ trương về giá khí cho giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2018 được thông qua với phương án xác định thời gian khấu hao của Nhà máy là 12 năm. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định thay đổi thời gian khấu hao của các tài sản cố định là máy móc thiết bị chính của Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau từ 10 năm lên 12 năm kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2015. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao của kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 giảm khoảng 109 tỷ đồng so với việc áp dụng thời gian khấu hao như trước khi Công ty chuyển thành công ty cổ phần.

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, khấu hao điều chỉnh được bắt đầu khi Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Cà Mau mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì Công ty được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì Công ty được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong kỳ.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất tăng do thực hiện đánh giá lại giá trị và chuyển sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng khi chuyển sang công ty cổ phần được ghi tăng khoản phải trả Nhà nước.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 15/01/2015
	đến ngày 30/6/2015
	(Số năm)
Quyền sử dụng đất	20
Phần mềm máy tính	3

Các tài sản cố định vô hình của Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, khấu hao điều chỉnh được bắt đầu khi Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau, giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 3 năm kể từ khi Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Quý phát triển khoa học và công nghệ**

Quý phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quý được hình thành trên nhu cầu phát triển và đổi mới công nghệ của Công ty và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Tỷ giá nêu trên có sự khác biệt so với tỷ giá quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 200, chi phí tài chính trong kỳ sẽ tăng và lợi nhuận kế toán trước thuế cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ giảm khoảng 22,3 tỷ đồng.

Lãi chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau chưa phân bổ hết được phản ánh trên khoản mục “Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn” và sẽ được phân bổ hết trong 6 tháng cuối năm 2015 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 61101000153 ngày 04 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau, Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (Công ty mẹ) được hưởng các ưu đãi đối với dự án Nhà máy Đạm Cà Mau như sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: được áp dụng mức thuế suất ưu đãi và miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- Đất đai: được miễn, giảm thuế sử dụng đất, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và tiền thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về thuế hiện hành.
- Thuế nhập khẩu: được miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị, vật tư, phương tiện vận tải và hàng hóa khác để thực hiện dự án đầu tư theo quy định Luật thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu.

Đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính phát sinh từ Dự án Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau, Công ty đang trong giai đoạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Đối với các hoạt động kinh doanh khác ngoài Dự án Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (Công ty con - PPC) được áp dụng theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế như sau: thuế suất ưu đãi 20% trong thời hạn 10 năm và miễn thuế 2 năm kể từ khi công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm 2015 là năm thứ hai Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2015</u>	<u>14/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	590.963.644	224.125.074
Tiền gửi ngân hàng	583.177.943.961	2.007.412.593.532
Các khoản tương đương tiền (*)	420.000.000.000	56.068.509.078
	<u>1.003.768.907.605</u>	<u>2.063.705.227.684</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

Số dư Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm 320 tỷ VND là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng và 3,1 tỷ VND là tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng TMCP Đại Dương ("OceanBank"). Theo Công văn số 17/2015/CV-GĐCNCM ngày 14 tháng 5 năm 2015 của OceanBank - Chi nhánh Cà Mau, thực hiện chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, OceanBank đang tạm dừng chi trả tiền cho các khách hàng là tổ chức đang gửi tiền tại OceanBank từ ngày 11 tháng 2 năm 2015. Tuy nhiên, do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản OceanBank và chuyển đổi mô hình hoạt động OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 08 tháng 5 năm 2015, nên Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAULô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1
Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN-HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	30/6/2015		14/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	3.316.971.229.905	3.316.971.229.905	3.166.281.483.374	3.166.281.483.374

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2015	14/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Hóa chất và Xây dựng Phú Mỹ	3.388.366.578	-
Các khách hàng khác	20.029.231	1.087.367.235
	3.408.395.809	1.087.367.235

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2015	14/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Quang Tiền	18.471.082.453	-
Công ty TNHH Thương mại Kỹ Thuật Tri Việt	9.359.020.679	-
Công ty Cổ phần Petro Enertech	4.405.376.200	4.405.376.200
Công ty Cổ phần Truyền thông Vmark	3.080.000.000	1.540.000.000
Các nhà cung cấp khác	47.121.560.556	8.329.873.357
	82.437.039.888	14.275.249.557
Trả trước cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 35)	4.267.226.344	-

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2015	14/01/2015
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	40.068.229.097	23.618.288.350
Hỗ trợ vốn Ban Quản lý Dự án Khí-Điện-Đạm Cà Mau (*)	19.718.000.000	19.718.000.000
Ký cược, ký quỹ	15.224.332.224	-
Tạm ứng cán bộ công nhân viên	5.414.502.357	1.854.434.950
Phải thu khác	1.941.897.121	2.365.520.191
	82.366.960.799	47.556.243.491

(*) Số dư hỗ trợ vốn Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau ("Ban Quản lý dự án") phản ánh số tiền Công ty đã chuyển cho Ban Quản lý dự án từ năm 2013 để thanh toán các khoản công nợ. Khoản hỗ trợ vốn này không có tài sản đảm bảo và không chịu lãi suất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2015		14/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	2.266.323.450	-
Nguyên liệu, vật liệu	81.701.865.875	-	65.465.719.290	-
Công cụ, dụng cụ	1.171.244.371	-	30.690.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	29.011.585.663	-	65.620.130.244	-
Thành phẩm	6.190.758.180	(284.289.543)	12.913.695.785	-
Hàng gửi bán	55.099.484.208	-	52.877.952.137	-
Cộng	173.174.938.297	(284.289.543)	199.174.510.906	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số phế phẩm có giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với số tiền 284.289.543 đồng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2015	14/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm tài sản Nhà máy Đạm Cà Mau	37.061.635.052	12.921.201.403
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.526.297.604	1.395.837.160
	38.587.932.656	14.317.038.563
Dài hạn		
Lợi thế kinh doanh (*)	115.853.398.182	136.962.280.053
Tài sản lưu động nhận bàn giao từ Dự án "Nhà máy Sản xuất phân đạm Cà Mau"	-	20.714.176.934
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.703.541.122	6.112.781.291
	119.556.939.304	163.789.238.278

(*) Lợi thế kinh doanh của Công ty phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong vòng 3 năm kể từ ngày Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. Giá trị đã được phân bổ vào chi phí trong kỳ là 21.108.881.871 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 15/01/2015	3.152.236.508.350	10.253.419.418.770	42.489.649.611	38.205.712.488	58.688.591.244	13.545.039.880.463
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	51.897.867.348	-	-	-	-	51.897.867.348
Mua sắm mới	276.027.658	2.950.360.690	2.658.927.273	3.483.712.978	-	9.369.028.599
Tại ngày 30/6/2015	3.204.410.403.356	10.256.369.779.460	45.148.576.884	41.689.425.466	58.688.591.244	13.606.306.776.410
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 15/01/2015	773.184.380.465	1.864.144.252.026	17.107.115.437	14.104.480.971	15.186.649.077	2.683.726.877.976
Trích khấu hao trong kỳ	133.654.791.549	439.652.568.362	4.281.708.568	5.718.995.957	274.749.164	583.582.813.600
Tại ngày 30/6/2015	906.839.172.014	2.303.796.820.388	21.388.824.005	19.823.476.928	15.461.398.241	3.267.309.691.576
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2015	2.297.571.231.342	7.952.572.959.072	23.759.752.879	21.865.948.538	43.227.193.003	10.338.997.084.834
Tại ngày 15/01/2015	2.379.052.127.885	8.389.275.166.744	25.382.534.174	24.101.231.517	43.501.942.167	10.861.313.002.487

Như trình bày tại Thuyết minh số 4, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định thay đổi thời gian khấu hao của các tài sản cố định là máy móc thiết bị chính của Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau từ 10 năm lên 12 năm kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2015. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao của kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 giảm khoảng 109 tỷ đồng so với việc áp dụng thời gian khấu hao như trước khi Công ty chuyển thành công ty cổ phần.

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (Công ty mẹ) sử dụng toàn bộ tài sản cố định được hình thành từ Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Đạm Cà Mau” để thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng. Giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 10.209.123.413.834 đồng (ngày 14 tháng 01 năm 2015: 10.745.979.562.564 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (Công ty con) sử dụng toàn bộ tài sản cố định được hình thành từ Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Bao bì Bạc Liêu” và tài sản cố định hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu. Giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 49.538.355.084 VND (ngày 14 tháng 01 năm 2015: 52.185.297.672 VND).

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 80.557.754.007 đồng (ngày 14 tháng 01 năm 2015: 6.545.876.347 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 15/01/2015	33.175.238.300	13.982.184.878	47.157.423.178
Tăng trong kỳ	-	17.055.861.600	17.055.861.600
Tại ngày 30/6/2015	33.175.238.300	31.038.046.478	64.213.284.778
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 15/01/2015	-	1.101.843.106	1.101.843.106
Trích khấu hao trong kỳ	889.222.534	3.219.339.245	4.108.561.779
Tại ngày 30/6/2015	889.222.534	4.321.182.351	5.210.404.885
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2015	32.286.015.766	26.716.864.127	59.002.879.893
Tại ngày 15/01/2015	33.175.238.300	12.880.341.772	46.055.580.072

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2015 VND	14/01/2015 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Xây dựng cơ bản	12.532.496.778	46.827.865.034
Trong đó:		
- Hệ thống RBI cho đường ống và thiết bị Nhà máy	2.286.150.434	-
- Bồn chứa Ni tơ cho Nhà máy Đạm Cà Mau	2.874.194.364	2.075.879.364
- Công trình Mái che mưa cho Hệ thống xuất sản phẩm của Nhà máy Đạm Cà Mau	-	39.327.548.592
- Kho chứa Ure	3.660.210.559	2.605.375.433
- Các công trình khác	3.711.941.421	2.819.061.645
	12.532.496.778	46.827.865.034

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2015 VND	14/01/2015 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (*)	294.563.897.220	178.721.870.037
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	36.713.022.073	16.431.173.483
Các đối tượng khác	105.683.352.194	92.415.955.826
	436.960.271.487	287.568.999.346
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 35)	362.418.677.947	208.062.231.959

(*) Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu phản ánh khoản tiền Công ty mua khí thiên nhiên của Lô PM3 CAA và Lô 46 - Cái Nước theo Phụ lục hợp đồng số 04 ngày 17 tháng 11 năm 2014 sửa đổi Hợp đồng mua bán khí số 3918/HĐ-DKVN ngày 23 tháng 5 năm 2012 giữa Công ty và Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>14/01/2015</u>
	VND	VND
Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Ngọc	14.400.000.000	-
Heng Pich Chhay Import Export Co., Ltd	11.267.948.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thái Sơn	-	12.903.744.286
Các khách hàng khác	90.977.041.183	90.025.179.606
	<u>116.644.989.183</u>	<u>102.928.923.892</u>
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 35)	<u>3.257.280.000</u>	<u>187.500.000</u>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	14/01/2015	Phát sinh trong kỳ		30/6/2015
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	180.379.995	180.379.995	-	-
Tiền thuê đất	-	-	397.346.605	397.346.605
Cộng	<u>180.379.995</u>	<u>180.379.995</u>	<u>397.346.605</u>	<u>397.346.605</u>
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	3.359.472.289	2.858.676.920	500.795.369
Thuế nhập khẩu	-	555.414.661	555.414.661	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	32.914.002.522	628.315.485	33.088.472.607	453.845.400
Thuế tài nguyên	91.601.280	508.239.360	511.194.240	88.646.400
Tiền thuê đất	-	61.920.420	61.920.420	-
Các loại thuế khác	2.878.331.548	6.373.786.118	7.005.786.011	2.246.331.655
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>2.878.331.548</i>	<i>5.919.725.203</i>	<i>6.551.725.096</i>	<i>2.246.331.655</i>
<i>Thuế khác</i>	<i>-</i>	<i>139.173.521</i>	<i>139.173.521</i>	<i>-</i>
Các khoản phải nộp khác	-	82.379.798	*	82.379.798
<i>Các khoản phí, lệ phí</i>	<i>-</i>	<i>360.496.798</i>	<i>278.117.000</i>	<i>82.379.798</i>
Cộng	<u>35.883.935.350</u>	<u>11.569.528.131</u>	<u>44.081.464.859</u>	<u>3.371.998.622</u>

(*) Số dư đầu kỳ phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trên lãi tiền gửi có kỳ hạn trong kỳ kế toán cuối cùng Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là chủ sở hữu.

Theo nội dung Công văn số 183/CT-TT-HTNNT ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Cục thuế tỉnh Cà Mau về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty hưởng được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ Dự án Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau do đáp ứng điều kiện địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, các khoản thu nhập phát sinh như: Lãi tiền gửi, cung cấp dịch vụ được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Cục thuế tỉnh Cà Mau đã có văn bản gửi Tổng Cục Thuế về vấn đề áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn của Công ty. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa nhận được văn bản hướng dẫn của Tổng Cục Thuế cũng như Cục thuế tỉnh Cà Mau, nên Công ty chưa thực hiện bất kỳ điều chỉnh nào đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận và đã nộp nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>14/01/2015</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	179.562.281.272	228.227.076.919
- Tiền khí phải trả (i)	163.962.886.631	226.854.465.919
- Phí quản lý (ii)	15.599.394.641	1.372.611.000
Chiết khấu thương mại	61.322.964.586	-
Lãi vay phải trả	55.731.584.764	66.228.193.272
Chi phí an sinh xã hội (iii)	45.700.090.461	7.825.560.463
Tiền điện phải trả Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	-	7.343.944.420
Chi phí bảo lãnh phải trả	4.337.627.939	8.941.340.335
Chi phí bảo hiểm và phúc lợi	5.499.000.000	-
Chi phí phải trả khác	6.744.415.927	1.724.933.721
	<u>358.897.964.949</u>	<u>320.291.049.130</u>

- (i) Tiền khí điều chỉnh tạm tính phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Công ty xác định và điều chỉnh theo giá khí tạm tính năm 2014 (4,06 USD/triệu BTU) được phê duyệt theo Quyết định số 1107/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- (ii) Tiền phí quản lý phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được trích bằng 0,5% doanh thu thuần phát sinh trong kỳ theo Nghị quyết số 8317/NG-DKVN ngày 01 tháng 11 năm 2009 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý số 6392/HĐ-DKVN ngày 30 tháng 9 năm 2013.
- (iii) Chi phí an sinh xã hội trong kỳ được trích theo Nghị quyết số 992/NQ-DKVN ngày 27 tháng 4 năm 2015 và Công văn số 1205/DKVN-TCNS ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, số dư chi phí an sinh xã hội phải trả cho các đối tượng được nhận hỗ trợ là 45.700.090.461 đồng.

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>14/01/2015</u>
	VND	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau	39.946.151.313	53.261.535.084
	<u>39.946.151.313</u>	<u>53.261.535.084</u>

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh số lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau chưa được phân bổ hết. Căn cứ theo Quyết định số 1989/QĐ-DKVN ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán Dự án “Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau”, lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng Nhà máy bàn giao cho Công ty là 79.892.302.626 đồng. Khoản chênh lệch tỷ giá này đã được Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau phân bổ một phần đến ngày 14 tháng 01 năm 2015 và Công ty phân bổ một phần trong kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được Công ty phân bổ hết trong 6 tháng cuối năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2015	14/01/2015
	VND	(Phân loại lại) VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Phải trả Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	76.525.201.368	76.525.201.368
- Thuế Giá trị gia tăng đầu vào mua khí trong giai đoạn trước khi chính thức vận hành thương mại	69.617.285.554	69.617.285.554
- Các khoản phải trả khác	6.907.915.814	6.907.915.814
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	468.042.253.339	2.050.804.796.892
- Nhận bàn giao Dự án hoàn thành "Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau" (i)	78.515.027.920	78.515.027.920
- Lợi nhuận phải nộp (ii)	389.279.725.419	390.233.293.375
- Phải trả về Cổ phần hóa	247.500.000	1.582.056.475.597
Quỹ thưởng an toàn (iii)	6.213.516.952	130.337.824
Kinh phí công đoàn	2.545.043.665	1.848.455.959
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	483.000.000	311.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2015	1.176.849.040	1.176.849.040
Phải trả ngắn hạn khác	2.013.925.885	1.265.808.355
	556.999.790.249	2.132.062.449.438
Phải trả dài hạn khác		
Phải trả Ngân sách Nhà nước do nhận bàn giao quyền sử dụng đất (iv)	33.175.238.300	33.175.238.300
	33.175.238.300	33.175.238.300
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

- (i) Theo Quyết định số 1989/QĐ-DKVN ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án "Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau", Công ty nhận bàn giao tài sản cố định và tài sản lưu động của Nhà máy Đạm Cà Mau theo giá trị quyết toán. Công ty tạm ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị tài sản nhận bàn giao và vốn điều lệ, vốn vay đã nhận là một khoản phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Số dư phải trả này sẽ được điều chỉnh khi Công ty thực hiện quyết toán vốn với Tập đoàn.
- (ii) Lợi nhuận phải nộp phản ánh toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trước thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần, khoản lợi nhuận này sẽ được chuyển trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- (iii) Công ty trích lập quỹ thưởng an toàn theo Công văn số 3514/LĐTĐBXH-LĐTL ngày 16 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh Xã hội về việc thưởng an toàn, để chi trả cho các đối tượng được hưởng chế độ thưởng an toàn là công nhân, nhân viên của Nhà máy Đạm Cà Mau.
- (iv) Phải trả dài hạn khác phản ánh phải trả Ngân sách Nhà nước do Công ty nhận giao giá trị quyền sử dụng đất theo Quyết định về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, với số tiền là 33.175.238.300 đồng. Giá trị quyền sử dụng đất này chưa có phê duyệt của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau và có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Chi tiêu	14/01/2015		Phát sinh trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
Nhóm các Ngân hàng BNP Paribas, Ngân hàng Credit Agricole và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc (i)	4.217.400.000.000	4.217.400.000.000	88.165.000.000	234.575.000.000	4.070.990.000.000	4.070.990.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	2.717.186.512.683	2.717.186.512.683	59.058.462.698	230.516.865.000	2.545.728.110.381	2.545.728.110.381
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cà Thơ (iii)	970.035.067.795	970.035.067.795	19.658.770.175	135.954.185.181	853.739.652.789	853.739.652.789
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu (iv)	36.033.822.240	36.033.822.240	-	2.126.000.000	33.907.822.240	33.907.822.240
- Hợp đồng số 11160128/HĐTD	34.091.053.491	34.091.053.491	-	2.008.000.000	32.083.053.491	32.083.053.491
- Hợp đồng số 57.140613/HĐTD	1.942.768.749	1.942.768.749	-	118.000.000	1.824.768.749	1.824.768.749
Cộng	7.940.655.402.718	7.940.655.402.718	166.882.232.873	603.172.050.181	7.504.365.585.410	7.504.365.585.410

Trong đó:

Số phải trả trong vòng 12 tháng	1.250.085.019.739
Số phải trả sau 12 tháng	6.690.570.382.979

1.279.602.067.281
 6.224.763.518.129

Theo các Quyết định số 533/QĐ-DKVN và số 534/QĐ-DKVN ngày 19 tháng 01 năm 2013 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, từ ngày 15 tháng 01 năm 2013, Tập đoàn chuyển giao cho Công ty các trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Bên vay (trừ việc rút vốn vay) được quy định trong các Hợp đồng tín dụng. Cụ thể các hợp đồng tín dụng như sau:

- (i) Khoản vay của Tập đoàn theo Hợp đồng vay vốn tín dụng ECA giữa nhóm cho vay là các Ngân hàng BNP Paribas, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc và Ngân hàng Credit Agricole với bên vay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, số gốc vay là 220.000.000 USD, ký ngày 15 tháng 9 năm 2011, với mục đích thanh toán chi phí đầu tư dự án Nhà máy Đạm Cà Mau. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn là 30 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; thời gian trả nợ gốc là 90 tháng kể từ khi kết thúc thời hạn ân hạn. Lãi suất nợ trong hạn (tính trên dư nợ trong hạn) bằng lãi suất huy động tiết kiệm Đô la Mỹ kỳ hạn 6 tháng trả lãi sau của Vietinbank cộng (+) 2,5%/năm; lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần kể từ ngày bên vay nhận được khoản vay đầu tiên. Lãi vay được trả 6 tháng/lần.
- (ii) Khoản vay của Tập đoàn theo Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước số HETDĐT-CM/PV-VIETINBANK2009 ngày 25 tháng 9 năm 2009 giữa bên vay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank), số gốc vay là 220.000.000 USD, với mục đích thanh toán chi phí đầu tư dự án Nhà máy Đạm Cà Mau. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn là 30 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; thời gian trả nợ gốc là 90 tháng kể từ khi kết thúc thời hạn ân hạn. Lãi suất nợ trong hạn (tính trên dư nợ trong hạn) bằng lãi suất huy động tiết kiệm Đô la Mỹ kỳ hạn 6 tháng trả lãi sau của Vietinbank cộng (+) 2,5%/năm; lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần kể từ ngày bên vay nhận được khoản vay đầu tiên. Lãi suất nợ quá hạn bằng lãi suất cho vay trong hạn cộng 1%/năm. Lãi vay được trả 3 tháng/lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(iii) Khoản vay theo Hợp đồng vay vốn tín dụng số 235/HĐVV-PVB-CNCT ngày 31 tháng 10 năm 2014 giữa Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ và Công ty với hạn mức vay là 48.071.638,74 USD và mục đích cơ cấu lại khoản vay đầu tư dự án Nhà máy đạm Cà Mau theo Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước số 01/2010HĐTDĐT-NHPT ngày 17 tháng 6 năm 2010 giữa Tập đoàn và Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Thời hạn vay tối đa là 38 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi suất biên (3,15%/năm và cố định trong suốt thời hạn vay) tại ngày xác định lãi suất và không vượt quá 5% tại mọi thời điểm của khoản vay; lãi suất áp dụng cho năm đầu tiên là 4%/năm. Lãi vay được trả 1 tháng/lần vào ngày 01 hàng tháng.

Tập đoàn và Công ty đã thế chấp giá trị tài sản cố định bao gồm nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc, thiết bị của Nhà máy Đạm Cà Mau để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng nêu trên.

(iv) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (Công ty con - PPC) bao gồm 2 khoản sau:

- Tại ngày 28 tháng 01 năm 2011, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 111160128/HĐTD với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với số tiền vay là 60.000.000.000 đồng và không vượt quá 70% tổng chi phí đầu tư của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu”. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất cho vay dài hạn thả nổi có điều chỉnh theo thời gian và được trả hàng tháng. Gốc vay sẽ được trả ngay sau khi hết thời gian ân hạn (12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên - ngày 04 tháng 7 năm 2011), sau đó sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 9 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2019. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản được hình thành từ Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu” để thế chấp cho khoản vay này.
- Tại ngày 20 tháng 6 năm 2013, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 57.140613/HĐTD với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với số tiền vay là 3.500.000.000 đồng và tổng dư nợ cho vay của tất cả các hợp đồng đang còn hiệu lực tại bất cứ thời điểm nào không được vượt quá 44.811.053.491 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung, mua sắm tài sản cố định. Thời hạn vay là 6 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất cho vay dài hạn thả nổi có điều chỉnh theo thời gian và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản được hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2015	14/01/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.279.602.067.281	1.250.085.019.739
Trong năm thứ hai	1.280.602.067.281	1.253.135.024.028
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.036.294.344.821	3.110.038.846.268
Sau năm năm	1.907.867.106.027	2.327.396.512.683
	7.504.365.585.410	7.940.655.402.718
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	1.279.602.067.281	1.250.085.019.739
Số phải trả sau 12 tháng	6.224.763.518.129	6.690.570.382.979

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>14/01/2015</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng định kỳ	18.263.326.506	-
Trích trước chi phí quảng cáo, truyền thông	28.723.288.202	-
	<u>46.986.614.708</u>	<u>-</u>

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ Đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND
Số dư tại ngày 14/01/2015	5.294.000.000.000	(3.455.497.769)	287.032.617.231	6.713.350.648	22.870.897.075
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	448.389.008.981	3.297.546.133
Trích Quỹ Đầu tư phát triển (i)	-	-	54.578.040.907	(54.578.040.907)	-
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(54.745.926.633)	(913.331.832)
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát của Công ty con	-	-	-	-	(3.197.800.000)
Số dư tại ngày 30/6/2015	<u>5.294.000.000.000</u>	<u>(3.455.497.769)</u>	<u>341.610.658.138</u>	<u>345.778.392.089</u>	<u>22.057.311.376</u>

- (i) Trong kỳ, Công ty mẹ và Công ty con đã thực hiện trích Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ Khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Công ty mẹ chưa điều chỉnh số dư Quỹ Đầu tư phát triển có thể phát sinh liên quan đến việc xác định phần vốn Nhà nước tại ngày 14 tháng 01 năm 2015 do chưa có biên bản xác định phần vốn Nhà nước tại ngày này.

Cổ phiếu

	<u>30/6/2015</u>	<u>14/01/2015</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	529.400.000	529.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	529.400.000	529.400.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là 5.294.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp 30/6/2015
	VND	%	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	4.000.230.570.000	75,56%	4.000.230.570.000
Các cổ đông khác	1.293.769.430.000	24,44%	1.293.769.430.000
	5.294.000.000.000	100%	5.294.000.000.000

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại công ty con được xác định như sau:

	Số tiền VND
Vốn điều lệ của công ty con	32.650.000.000
<i>Trong đó:</i>	
Vốn góp của Công ty	16.661.000.000
Vốn góp của cổ đông thiểu số	15.989.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	48,97%

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bằng tài sản thuần tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	30/6/2015 VND	14/01/2015 VND
Tổng tài sản	47.503.375.922	46.333.758.543
Tổng nợ phải trả	(25.446.064.546)	(23.462.861.468)
Tài sản thuần	22.057.311.376	22.870.897.075
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	15.989.000.000	15.989.000.000
Các quỹ khác	1.191.538.346	439.320.788
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.876.773.030	6.442.576.287

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh phân bón. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 25 và số 26.

Công ty thực hiện phân phối các sản phẩm phân bón chủ yếu ở các thị trường Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Trong kỳ, Công ty thực hiện xuất khẩu sản phẩm Đạm Cà Mau sang thị trường Campuchia với doanh thu khoảng 85 tỷ đồng (doanh thu xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2014 là khoảng 413 tỷ đồng) - chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty. Do vậy, gần như toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 15/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Phân loại lại)
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh Ure	2.794.569.757.080	2.977.527.869.995
- Bán trong nước	2.709.540.931.660	2.564.036.043.644
- Xuất khẩu	85.028.825.420	413.491.826.351
Doanh thu kinh doanh Amoniac	50.744.962.921	37.975.230.275
Doanh thu bán hàng hóa	33.501.600.000	44.448.835.712
Doanh thu bán phế phẩm	8.123.829.090	37.618.380.952
Doanh thu khác	8.408.601.023	3.702.621.312
	2.895.348.750.114	3.101.272.938.246
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	61.322.964.586	32.110.060.825
Giảm giá hàng bán	241.975.000	1.080.523.809
	61.564.939.586	33.190.584.634
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 35)	49.377.720.000	198.132.248.304

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 15/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh Ure	1.865.638.231.550	2.246.241.475.256
Giá vốn kinh doanh Amoniac	28.571.092.874	21.642.115.006
Giá vốn bán hàng hóa	33.487.641.000	44.377.142.857
Giá vốn khác	4.260.582.273	105.840.000
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	284.289.543	(8.381.276.594)
	1.932.241.837.240	2.303.985.296.525

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 15/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.151.669.123.215	1.301.293.798.182
Chi phí nhân công	147.891.870.781	146.671.740.668
Chi phí khấu hao tài sản cố định	587.432.027.382	699.733.050.849
Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.247.509.310	149.483.177.723
Chi phí khác bằng tiền	51.346.616.686	62.017.866.374
	2.193.587.147.374	2.359.199.633.796

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 15/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	76.799.116.383	72.474.989.125
Lãi chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư Nhà máy	13.315.383.771	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.446.207.646	945.991.819
	91.560.707.800	73.420.980.944

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 15/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	114.244.196.160	185.550.501.207
Lỗ chênh lệch tỷ giá	171.480.023.869	96.198.373.905
Phí bảo lãnh	7.808.207.936	9.382.933.001
	293.532.427.965	291.131.808.113

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 15/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí vận chuyển, bốc xếp lưu kho	38.054.627.400	41.166.197.818
Chi phí An sinh xã hội	50.336.220.907	20.029.000.000
Chi phí quảng cáo, truyền thông	33.963.522.745	6.661.074.109
Các khoản chi phí bán hàng khác	32.287.687.344	19.365.898.825
	154.642.058.396	87.222.170.752
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	25.947.505.815	19.814.474.391
Phí quản lý phải nộp Tập đoàn	14.226.783.641	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.908.782.348	2.689.334.735
Trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	8.060.000.000
Lợi thế kinh doanh	21.108.881.871	-
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	23.830.974.484	16.446.082.093
	92.022.928.159	47.009.891.219

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 15/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất đạm (*)	-	-
Thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất bao bì (**)	748.187.165	899.489.667
Thuế thu nhập từ hoạt động khác	60.508.315	109.985.713
	808.695.480	1.009.475.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (Tiếp theo)**

(*) Theo Công văn số 4641/TCT-CS của Tổng Cục thuế ngày 02 tháng 12 năm 2008 gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trả lời về việc ưu đãi thuế đối với Dự án Nhà máy Đạm Cà Mau, Công ty mẹ được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Công ty mẹ không tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ Dự án Nhà máy sản xuất Phân đạm Cà Mau trong kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 do vẫn trong thời gian được hưởng ưu đãi miễn thuế.

Đối với hoạt động kinh doanh khác ngoài Dự án Nhà máy Sản xuất Phân đạm Cà Mau, Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh khác.

(**) Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (Công ty con - PPC) được áp dụng theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013, PPC xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi 20% trong thời hạn 10 năm và miễn thuế 2 năm kể từ khi PPC có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm 2015 là năm thứ hai PPC được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Từ ngày 15/01/2015

đến ngày 30/6/2015

VND

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	448.389.008.981
- Tạm trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	(53.794.208.475)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	394.594.800.506
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	529.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	745

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Theo Hợp đồng mua bán khí số 3918/HĐ-DKVN ngày 23 tháng 5 năm 2012 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau (nay là Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau), Công ty sẽ mua khí thiên nhiên của Lô PM3 CAA và Lô 46 - Cái Nước từ Tập đoàn trong vòng 20 năm kể từ ngày vận hành chính thức, với sản lượng 457,38 triệu m³ khí tiêu chuẩn mỗi năm.

Theo Phụ lục Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04 ngày 27 tháng 11 năm 2014, mức giá khí hợp đồng là giá khí để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh phân bón của Công ty với mức tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân 12%/năm (không bao gồm thuế VAT và các loại thuế gián thu khác). Giá khí hợp đồng tạm tính để phát hành hóa đơn và thực hiện thanh toán hàng tháng trong kỳ là giá khí tại văn bản phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành.

Theo Nghị quyết số 8373/NQ-DKVN ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam ("Tập đoàn") về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau ("Công ty"), mức giá khí tạm tính cho năm 2015 của Công ty là 3,81 USD/MMBTU. Giá khí chính thức sẽ được Tập đoàn xem xét điều chỉnh vào cuối năm 2015 để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh phân bón của Công ty đạt tỷ suất lợi nhuận tại Phụ lục Hợp đồng số 04 nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

	<u>30/6/2015</u>	<u>14/01/2015</u>
	VND	VND
Các khoản vay	7.504.365.585.410	7.940.655.402.718
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.003.768.907.605	2.063.705.227.684
Nợ thuần	6.500.596.677.805	5.876.950.175.034
Vốn chủ sở hữu	5.999.990.863.834	5.607.161.367.185
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>1,08</u>	<u>1,05</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>30/6/2015</u>	<u>14/01/2015</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.003.768.907.605	2.063.705.227.684
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.316.971.229.905	3.166.281.483.374
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.775.356.608	48.643.610.726
Tổng cộng	<u>4.406.515.494.118</u>	<u>5.278.630.321.784</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	7.504.365.585.410	7.940.655.402.718
Phải trả người bán và phải trả khác	1.024.590.256.371	2.450.958.231.125
Chi phí phải trả	358.897.964.949	320.291.049.130
Dự phòng phải trả	46.986.614.708	-
Tổng cộng	<u>8.934.840.421.438</u>	<u>10.711.904.682.973</u>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2015	14/01/2015	30/6/2015	14/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	7.505.864.909.997	7.906.782.907.908	42.016.422.414	7.081.783.530

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ (giảm)/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Từ ngày 15/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(373.192.424.379)	(852.198.124.314)

Quản lý rủi ro lãi suất

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, theo các Quyết định số 533/QĐ-DKVN và số 534/QĐ-DKVN ngày 19 tháng 01 năm 2013 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, từ ngày 15 tháng 01 năm 2013, Tập đoàn chuyển giao cho Công ty các trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Bên vay (trừ việc rút vốn vay) được quy định trong các hợp đồng tín dụng ký với các ngân hàng trong và ngoài nước để tài trợ cho dự án Nhà máy Đạm Cà Mau.

Do đó, Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp. Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ (giảm)/tăng 150.087.311.708 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014: 148.598.867.010 đồng).

	<u>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</u> VND
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014		
VND	+200	(148.598.867.010)
VND	-200	148.598.867.010
Cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015		
VND	+200	(150.087.311.708)
VND	-200	150.087.311.708

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.003.768.907.605	-	-	1.003.768.907.605
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.316.971.229.905	-	-	3.316.971.229.905
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.775.356.608	-	-	85.775.356.608
Tổng cộng	4.406.515.494.118	-	-	4.406.515.494.118

30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay	1.279.602.067.281	4.316.896.412.102	1.907.867.106.027	7.504.365.585.410
Phải trả người bán và phải trả khác	991.415.018.071	33.175.238.300	-	1.024.590.256.371
Chi phí phải trả	358.897.964.949	-	-	358.897.964.949
Dự phòng phải trả	46.986.614.708	-	-	46.986.614.708
Tổng cộng	2.676.901.665.009	4.350.071.650.402	1.907.867.106.027	8.934.840.421.438

Chênh lệch thanh khoản thuần	1.729.613.829.109	(4.350.071.650.402)	(1.907.867.106.027)	(4.528.324.927.320)
-------------------------------------	--------------------------	----------------------------	----------------------------	----------------------------

14/01/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.063.705.227.684	-	-	2.063.705.227.684
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.166.281.483.374	-	-	3.166.281.483.374
Phải thu khách hàng và phải thu khác	48.643.610.726	-	-	48.643.610.726
Tổng cộng	5.278.630.321.784	-	-	5.278.630.321.784

14/01/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay	1.250.085.019.739	4.363.173.870.296	2.327.396.512.683	7.940.655.402.718
Phải trả người bán và phải trả khác	2.417.782.992.825	33.175.238.300	-	2.450.958.231.125
Chi phí phải trả	320.291.049.130	-	-	320.291.049.130
Tổng cộng	3.988.159.061.694	4.396.349.108.596	2.327.396.512.683	10.711.904.682.973

Chênh lệch thanh khoản thuần	1.290.471.260.090	(4.396.349.108.596)	(2.327.396.512.683)	(5.433.274.361.189)
-------------------------------------	--------------------------	----------------------------	----------------------------	----------------------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức kiểm soát được. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Chủ sở hữu

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Các đơn vị cùng chủ sở hữu

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam

Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí

Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (chủ sở hữu của Công ty)

Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chế biến Dầu khí

Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao Công nghệ

Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau

Các đơn vị trong Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (cùng chủ sở hữu với Công ty)

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ

Các đơn vị trong Tổng Công ty Vận tải Dầu khí (cùng chủ sở hữu với Công ty)

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu

Các đơn vị trong Công ty Cổ phần PVI (cùng chủ sở hữu với Công ty)

Tổng Công ty Bảo hiểm PVI - Chi nhánh Cà Mau

Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam

Các đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với Công ty)

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí

Các đơn vị trong Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với Công ty)

Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam

Các đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1
 Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 15/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	49.377.720.000	198.132.248.304
	49.377.720.000	198.132.248.304
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	814.263.914.845	722.202.280.313
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	110.792.785.123	127.182.547.612
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	20.090.025.000	27.410.073.727
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI - Chi nhánh Cà Mau	3.662.047.439	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	1.536.457.089	3.945.744.294
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	5.971.921.998	4.305.274.290
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	1.625.400.000	2.516.090.909
Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chế biến Dầu khí	5.709.969.910	3.258.531.225
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	48.152.335.124	50.311.877.402
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	1.058.553.336
	1.011.804.856.528	942.190.973.108
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	4.749.325.039	1.088.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	30/6/2015	14/01/2015
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.487.263.470	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí Viện Dầu khí Việt Nam	1.223.361.776	-
Viện Dầu khí Việt Nam	766.693.298	-
Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao Công nghệ	661.207.800	-
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	128.700.000	-
	4.267.226.344	-
Phải thu ngắn hạn khác		
Hỗ trợ vốn Ban Quản lý Dự án Khí-Điện-Đạm Cà Mau	19.718.000.000	19.718.000.000
Lãi dự thu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	13.780.142.930	5.916.164.954
	33.498.142.930	25.634.164.954

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1
 Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)


Số dư chủ yếu với các bên liên quan (Tiếp theo):


	30/6/2015	14/01/2015
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	294.563.897.220	178.721.870.037
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	36.713.022.073	16.431.173.483
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	960.008.698	2.916.357.002
Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao Công nghệ	-	2.201.979.656
Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chế biến Dầu khí	2.981.199.400	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	1.983.315.859	1.505.144.281
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	1.708.245.000	5.845.207.500
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	367.500.000	55.500.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	547.500.000	385.000.000
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	22.593.989.697	-
	362.418.677.947	208.062.231.959
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	3.257.280.000	187.500.000
	3.257.280.000	187.500.000
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	179.562.281.272	228.227.076.919
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	7.343.944.420
	179.562.281.272	235.571.021.339
Phải trả ngắn hạn khác		
Ban Quản lý Dự án Khí-Điện-Đạm Cà Mau	76.525.201.368	76.525.201.368
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	468.042.253.339	2.050.804.796.892
	544.567.454.707	2.127.329.998.260

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 14 tháng 01 năm 2015 của Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau (đơn vị cổ phần hóa). Các số liệu này chưa được soát xét hoặc kiểm toán và đã được trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau đã được soát xét. Một số số liệu đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.


 Trương Quỳnh Anh
 Người lập biểu


 Vũ Thụy Tường
 Kế toán trưởng


 Bùi Minh Tiến
 Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2015